

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được thành lập theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0200387594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 28 tháng 08 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tất Hưng	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Hội	Phó chủ tịch
Ông Phan Duy Vân	Ủy viên
Bà Trần Thị Kim Lan	Ủy viên
Ông Mai Xuân Ngoạt	Ủy viên
Ông Vương Ngọc Sơn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tất Hưng	Giám đốc
Ông Phan Duy Vân	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Ngọc Thao	Trưởng ban
Ông Bùi Ngọc Thanh	Thành viên
Ông Đan Hải Long	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

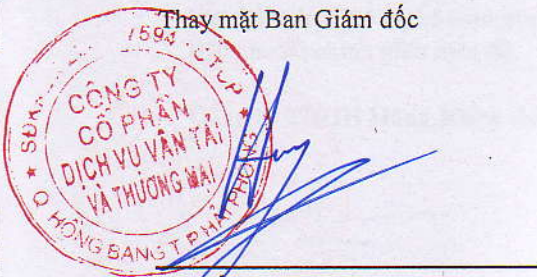
Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Lê Phát Hưng**  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2016



Số: 1667 /2016/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được lập ngày 19 tháng 07 năm 2016, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Thanh Tùng  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>28.518.912.100</b>	<b>34.328.061.236</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>15.370.445.148</b>	<b>12.494.830.317</b>
111	1. Tiền		15.370.445.148	11.494.830.317
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>6.552.230.274</b>	<b>9.167.341.922</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	6.097.969.812	8.386.460.268
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	48.863.274	184.473.147
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	673.598.818	864.610.137
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(268.201.630)	(268.201.630)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	8	<b>5.547.467.307</b>	<b>3.982.633.724</b>
141	1. Hàng tồn kho		5.547.467.307	3.982.633.724
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.048.769.371</b>	<b>8.683.255.273</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	895.792.711	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		144.366.162	8.683.255.273
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	8.610.498	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>175.011.828.779</b>	<b>187.205.865.055</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>14.200.000</b>	<b>14.200.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	14.200.000	14.200.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>173.164.796.490</b>	<b>184.006.480.062</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	165.909.500.490	176.751.184.062
222	- Nguyên giá		292.528.289.703	292.528.289.703
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(126.618.789.213)	(115.777.105.641)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	7.255.296.000	7.255.296.000
228	- Nguyên giá		7.255.296.000	7.255.296.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.832.832.289</b>	<b>3.185.184.993</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.832.832.289	3.185.184.993
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>203.530.740.879</b>	<b>221.533.926.291</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>72.824.920.997</b>	<b>97.911.167.655</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>39.246.749.967</b>	<b>48.768.906.915</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	8.986.499.008	10.821.388.428
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	795.756.973	795.856.973
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.555.241.381	1.565.653.350
314	4. Phải trả người lao động		1.826.896.691	3.129.470.579
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	414.733.556	1.368.858.864
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.745.374.275	2.365.515.477
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	18.316.945.000	26.954.859.035
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	3.983.333.331	633.333.333
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.621.969.752	1.133.970.876
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>33.578.171.030</b>	<b>49.142.260.740</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	33.578.171.030	47.942.260.740
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	18	-	1.200.000.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>130.705.819.882</b>	<b>123.622.758.636</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>130.705.819.882</b>	<b>123.622.758.636</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		86.000.000.000	86.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		86.000.000.000	86.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.007.985.000	5.007.985.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		7.424.197.754	6.892.610.858
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		32.273.637.128	25.722.162.778
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		24.452.671.606	15.090.424.844
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		7.820.965.522	10.631.737.934
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>203.530.740.879</b>	<b>221.533.926.291</b>

Trần Thị Thanh Nhạn  
Người lập

Trần Thị Kim Lan  
Kế toán trưởng

Lê Tất Hưng  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	85.611.175.887	96.454.060.825
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		85.611.175.887	96.454.060.825
11	4. Giá vốn hàng bán	22	69.942.597.460	85.238.453.889
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.668.578.427	11.215.606.936
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	392.744.305	830.353.774
22	7. Chi phí tài chính	24	2.088.745.550	2.374.595.490
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.032.897.638	1.285.701.140
25	8. Chi phí bán hàng	25	445.213.308	154.502.002
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3.737.760.513	2.968.123.175
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.789.603.361	6.548.740.043
31	11. Thu nhập khác	27	209.513.803	2.918.539.017
32	12. Chi phí khác	28	222.910.261	21.313.938
40	13. Lợi nhuận khác		(13.396.458)	2.897.225.079
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.776.206.903	9.445.965.122
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	1.955.241.381	2.078.112.327
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>7.820.965.522</u>	<u>7.367.852.795</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		855	923

Trần Thị Thanh Nhạn  
Người lập

Trần Thị Kim Lan  
Kế toán trưởng



Lê Tất Hưng  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		91.591.776.572	102.236.014.252
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(58.655.305.344)	(85.630.069.030)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(9.163.219.472)	(7.042.195.833)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(2.294.287.026)	(1.310.249.159)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.915.042.790)	(2.557.367.005)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9.477.768.009	2.475.110.451
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.766.804.402)	(1.410.872.666)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>27.274.885.547</i>	<i>6.760.371.010</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(65.721.501)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.563.249	747.879.955
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>9.563.249</i>	<i>682.158.454</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	13.838.650.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		955.925.276	-
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(23.644.268.311)	(10.822.100.000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.720.000.000)	(3.000.000.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(24.408.343.035)</i>	<i>16.550.000</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>2.876.105.761</i>	<i>7.459.079.464</i>
60	<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>		<i>12.494.830.317</i>	<i>38.472.229.100</i>
61	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>		<i>(490.930)</i>	<i>37.500.449</i>
70	<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>		<i>15.370.445.148</i>	<i>45.968.809.013</i>

Trần Thị Thanh Nhạn  
Người lập

Trần Thị Kim Lan  
Kế toán trưởng



Lê Tất Hưng  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được thành lập theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0200387594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 28 tháng 08 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 86.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 86.000.000.000 đồng; trong đó có 8.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển, dịch vụ logistic.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách trong và ngoài nước;
- Dịch vụ đại lý: tàu biển, liên hiệp vận chuyển, giao nhận hàng hóa, môi giới và cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, đầu tư xây dựng cho thuê văn phòng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước: cung ứng và cho thuê thuyền viên.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:  
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ  
TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính  
Dịch vụ vận tải



**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

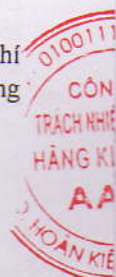
Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.





Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## **2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.6 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.7 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

### 2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |  |             |
|--|-------------|
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn                            | 06 - 15 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý                                  | 03 năm      |
| - Quyền sử dụng đất không có thời hạn, không trích khấu hao. |             |

### 2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### 2.11 . Vay

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



**2.14 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán .

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**2.15 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.16 . Doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

10111105  
CÔNG TY  
HỮU  
KIỂM T  
ASC  
KIỂM - TP



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

## *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có liên quan.

## 2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## 2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

## 2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	831.412.090	467.095.497
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.539.033.058	11.027.734.820
Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
	<b>15.370.445.148</b>	<b>12.494.830.317</b>

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty Xi măng Chínfon	-	2.057.881.848
Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát	3.884.741.121	3.512.082.489
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.213.228.691	2.816.495.931
	<b>6.097.969.812</b>	<b>8.386.460.268</b>

**5 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
AMJ Shipping Agency	-	-	134.670.000	-
Interocean Projects Private Limited	-	-	49.357.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải biển Minh Tuấn	48.417.125	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	446.149	-	446.147	-
	<b>48.863.274</b>	<b>-</b>	<b>184.473.147</b>	<b>-</b>

**6 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi-tiền gửi, tiền cho vay	-	-	2.444.444	-
Tạm ứng	658.672.018	-	854.223.693	-
Phải thu khác	14.926.800	-	7.942.000	-
	<b>673.598.818</b>	<b>-</b>	<b>864.610.137</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	14.200.000	-	14.200.000	-
	<b>14.200.000</b>	<b>-</b>	<b>14.200.000</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**7 . NỢ XẤU**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán				
- Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại và Dịch vụ Vận Xuân	185.771.630	-	185.771.630	-
- Công ty Cổ phần Vật tư Kim khí Tiến Ngọc	82.430.000	-	82.430.000	-
	<u>268.201.630</u>	<u>-</u>	<u>268.201.630</u>	<u>-</u>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.547.467.307	-	3.982.633.724	-
	<u>5.547.467.307</u>	<u>-</u>	<u>3.982.633.724</u>	<u>-</u>

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	292.492.880.272	35.409.431	292.528.289.703
Số dư cuối kỳ	<u>292.492.880.272</u>	<u>35.409.431</u>	<u>292.528.289.703</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	115.741.696.210	35.409.431	115.777.105.641
- Khấu hao trong kỳ	10.841.683.572	-	10.841.683.572
Số dư cuối kỳ	<u>126.583.379.782</u>	<u>35.409.431</u>	<u>126.618.789.213</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	176.751.184.062	-	176.751.184.062
Tại ngày cuối kỳ	<u>165.909.500.490</u>	<u>-</u>	<u>165.909.500.490</u>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 165.909.500.490 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 189.817.240 đồng.

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty với tổng giá trị là 7.255.296.000 đồng là quyền sử dụng lâu dài diện tích đất 595 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 05 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng. Tài sản này đang dùng làm tài sản thế chấp cho các hợp đồng vay của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước về bảo hiểm tàu biển	895.792.711	-
	<u><b>895.792.711</b></u>	<u><b>-</b></u>
b) <b>Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn tàu Tranco Sky	1.832.832.289	3.185.184.993
	<u><b>1.832.832.289</b></u>	<u><b>3.185.184.993</b></u>

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ & Vận tải Vinh Kim Sơn	1.082.366.370	1.082.366.370	964.759.047	964.759.047
Công ty TNHH MTV đóng tàu Phà Rừng	-	-	1.661.493.658	1.661.493.658
Fratelli Cosulich Bunkers ( HK) Ltd	942.065.200	942.065.200	-	-
Wongsamut Ocean Shipping co., Ltd	1.302.333.635	1.302.333.635	1.229.653.770	1.229.653.770
Phải trả các đối tượng khác	5.659.733.803	5.659.733.803	6.965.481.953	6.965.481.953
	<u><b>8.986.499.008</b></u>	<u><b>8.986.499.008</b></u>	<u><b>10.821.388.428</b></u>	<u><b>10.821.388.428</b></u>

**13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tongli Shipping Co., Ltd Samoa	795.756.973	795.756.973
Các đối tượng khác	-	100.000
	<u><b>795.756.973</b></u>	<u><b>795.856.973</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		1.515.042.790		1.955.241.381		1.915.042.790		-		1.555.241.381	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		50.610.560		93.071.777		152.292.835		8.610.498		-	
Các loại thuế khác	-		-		3.000.000		3.000.000		-		-	
	-		<b>1.565.653.350</b>		<b>2.051.313.158</b>		<b>2.070.335.625</b>		<b>8.610.498</b>		<b>1.555.241.381</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	414.733.556	676.122.944
- Chi phí phải trả khác	-	692.735.920
	<u><b>414.733.556</b></u>	<u><b>1.368.858.864</b></u>

**16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	12.657.667	32.159.754
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	1.720.000.000
- Phải trả cho Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	199.235.200	258.912.080
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên đã rời tàu	1.338.037.861	121.929.944
- Phải trả thuế thu nhập cá nhân thu thừa	120.520.124	120.520.124
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	74.923.423	111.993.575
	<u><b>1.745.374.275</b></u>	<u><b>2.365.515.477</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP	3.698.449.035	3.698.449.035	955.925.276	4.654.374.311	-	-
Công thương Việt Nam - Chi	3.698.449.035	3.698.449.035	955.925.276	4.654.374.311	-	-
nhánh Hồng Bàng						
Nợ dài hạn đến hạn trả	23.256.410.000	23.256.410.000	14.297.830.000	19.237.295.000	18.316.945.000	18.316.945.000
Nợ dài hạn đến hạn trả Ngân	23.256.410.000	23.256.410.000	14.297.830.000	19.237.295.000	18.316.945.000	18.316.945.000
hàng TMCP Công thương Việt						
Nam - Chi nhánh Hồng Bàng						
	<u>26.954.859.035</u>	<u>26.954.859.035</u>	<u>15.253.755.276</u>	<u>23.891.669.311</u>	<u>18.316.945.000</u>	<u>18.316.945.000</u>
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP	71.198.670.740	71.198.670.740	-	19.303.554.710	51.895.116.030	51.895.116.030
Công thương Việt Nam - Chi						
nhánh Hồng Bàng						
	<u>71.198.670.740</u>	<u>71.198.670.740</u>	<u>-</u>	<u>19.303.554.710</u>	<u>51.895.116.030</u>	<u>51.895.116.030</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(23.256.410.000)	(23.256.410.000)	(14.297.830.000)	(19.237.295.000)	(18.316.945.000)	(18.316.945.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>47.942.260.740</u>	<u>47.942.260.740</u>			<u>33.578.171.030</u>	<u>33.578.171.030</u>

HOA  
HANG  
RACH  
CO  
JOIT



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng bao gồm 03 hợp đồng tín dụng:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/HĐĐH/NHHB ngày 12 tháng 09 năm 2007 và các phụ lục sửa đổi hợp đồng tín dụng, với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Số tiền ngân hàng cho vay: 6.450.000 USD;
  - + Mục đích vay: thanh toán tiền mua tàu chở hàng khô New Lucky XI theo bản ghi nhớ Hợp đồng ngày 14/06/2007 ký giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại và Công ty Franbo Navigator S.A., PANAMA;
  - + Thời hạn cho vay: 9,5 năm (114 tháng) kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
  - + Lãi suất cho vay: là lãi suất thả nổi, định kỳ 3 tháng xác định 1 lần và bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD 12 tháng trả lãi sau tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm nhưng không thấp hơn chi phí mua vốn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 418.574 USD (tương đương với 9.353.036.030 đồng), trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 275.000 USD (tương đương 6.144.875.000 đồng).
  
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/TSC-HB/2009 ngày 08 tháng 07 năm 2009 và các phụ lục sửa đổi hợp đồng tín dụng, với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Số tiền ngân hàng cho vay: 3.800.000 USD;
  - + Mục đích vay: Thanh toán tiền mua tàu chở hàng khô HAWAIIAN EYE trọng tải 7.833 DWT theo bản ghi nhớ Hợp đồng ngày 26/06/2009 ký giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại và Continent Maritime S.A of PANAMA;
  - + Thời hạn cho vay: 8 năm (96 tháng) kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
  - + Lãi suất cho vay: là lãi suất thả nổi, định kỳ 3 tháng xác định 1 lần và bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD 12 tháng trả lãi sau tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 664.000 USD (tương đương với 14.837.080.000 đồng), trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 406.000 USD (tương đương với 9.072.070.000 đồng).
  
- (3) Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDDH/NHCT166-TRANSCO ngày 10/07/2015 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng, với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Số tiền ngân hàng cho vay: 30.905.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý thuộc dự án đầu tư mua tàu Atago (Transco Glory) trọng tải 8.782 tấn đã qua sử dụng;
  - + Thời hạn cho vay: 7 năm (84 tháng) kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
  - + Lãi suất cho vay: là lãi suất thả nổi, định kỳ 3 tháng xác định 1 lần và bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND trả lãi sau kỳ hạn 12 tháng hoặc kỳ hạn khác tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 5%/năm. Lãi suất trong năm là 8,5%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 27.705.000.000 đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 3.100.000.000 đồng.

Các khoản vay trên đều được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Transco Star, tàu Transco Sky, tàu Transco Glory và quyền sử dụng diện tích đất 595 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 05 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/TSC-HB/2010 ngày 13/08/2010 và Bản sửa đổi hợp đồng thế chấp tài sản số 01 ngày 31/08/2015; Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/TSC-HB/2010 ngày 13/08/2010 và Bản sửa đổi hợp đồng thế chấp tài sản số 01 ngày 31/08/2015; Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/TC/NHCT-TRANSCO ngày 30/07/2015.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**18 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ	3.983.333.331	633.333.333
	<u><u>3.983.333.331</u></u>	<u><u>633.333.333</u></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ	-	1.200.000.000
	<u><u>-</u></u>	<u><u>1.200.000.000</u></u>

CT  
UHAN  
TOÁN  
C  
IP



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND		VND		VND		VND	VND	
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000		17.169.335.000		4.590.523.453		23.593.764.692		105.353.623.145
Tăng vốn trong kỳ trước	26.000.000.000		(12.161.350.000)		-		-		13.838.650.000
Lãi trong kỳ trước	-		-		-		7.367.852.795		7.367.852.795
Phân phối lợi nhuận	-		-		2.302.087.405		(3.783.339.848)		(1.481.252.443)
Tạm ứng cổ tức	-		-		-		(3.000.000.000)		(3.000.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	86.000.000.000		5.007.985.000		6.892.610.858		24.178.277.639		122.078.873.497
Số dư đầu năm nay	86.000.000.000		5.007.985.000		6.892.610.858		25.722.162.778		123.622.758.636
Lãi trong kỳ này	-		-		-		7.820.965.522		7.820.965.522
Phân phối lợi nhuận	-		-		531.586.896		(1.269.491.172)		(737.904.276)
Số dư cuối kỳ này	86.000.000.000		5.007.985.000		7.424.197.754		32.273.637.128		130.705.819.882



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>100,00%</b>	<b>10.631.737.934</b>
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,00%	531.586.896
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6,00%	637.904.276
- Trích Quỹ chi hội họp và hoạt động khác của Hội đồng quản trị	0,94%	100.000.000
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>88,06%</b>	<b>9.362.246.762</b>
- Công ty chi trả cổ tức năm 2015 bằng tiền mặt là 8% vốn điều lệ, dự kiến thời gian chia cổ tức trong 6 tháng cuối năm 2016.		

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	33,49%	28.800.000.000	33,49%	28.800.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư MB	9,07%	7.803.000.000	5,19%	4.465.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	5,45%	4.684.000.000	5,45%	4.684.000.000
Các cổ đông khác	51,99%	44.713.000.000	55,87%	48.051.000.000
	<b>100%</b>	<b>86.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>86.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	86.000.000.000	86.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	86.000.000.000	60.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	26.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	86.000.000.000	86.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	3.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	3.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.600.000	8.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.600.000	8.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.600.000	8.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

511110  
 CÔNG  
 CH NHIỆM  
 ANH KIẾ  
 AA  
 DAN KIẾ



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.424.197.754	6.892.610.858
	<b>7.424.197.754</b>	<b>6.892.610.858</b>

**20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại

	30/06/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	184.596,51	468.785,70

**21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu hoạt động vận tải biển	61.816.941.470	44.693.658.355
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.794.234.417	51.760.402.470
	<b>85.611.175.887</b>	<b>96.454.060.825</b>

**22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động vận tải biển	46.941.401.235	35.240.735.670
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	23.001.196.225	49.997.718.219
	<b>69.942.597.460</b>	<b>85.238.453.889</b>

**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.118.805	740.274.399
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	206.361.645	90.079.375
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	179.263.855	-
	<b>392.744.305</b>	<b>830.353.774</b>

**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.032.897.638	1.285.701.140
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	55.847.912	77.402.366
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	1.011.491.984
	<b>2.088.745.550</b>	<b>2.374.595.490</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	445.213.308	154.502.002
	<b>445.213.308</b>	<b>154.502.002</b>

**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.186.817	21.122.544
Chi phí nhân công	2.331.186.805	1.857.503.200
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	7.463.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	574.382.521	624.778.510
Chi phí khác bằng tiền	805.004.370	457.255.921
	<b>3.737.760.513</b>	<b>2.968.123.175</b>

**27 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ tổn thất nhiên liệu thu được	-	1.056.536.457
Thu nhập từ tiền bồi thường	-	438.789.833
Thu nhập từ tiền thưởng do bốc xếp nhanh, hao hụt ít	209.413.339	1.423.212.187
Thu nhập khác	100.464	540
	<b>209.513.803</b>	<b>2.918.539.017</b>

**28 . CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí thuê luật sư vụ kiện tranh chấp hàng hóa	222.910.000	-
Chi phí thưởng do bốc xếp nhanh, hao hụt ít	-	21.313.938
Chi phí khác	261	-
	<b>222.910.261</b>	<b>21.313.938</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.776.206.903	9.445.965.122
Thu nhập tính thuế TNDN	9.776.206.903	9.445.965.122
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.955.241.381</b>	<b>2.078.112.327</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.515.042.790	2.057.367.005
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(1.915.042.790)	(2.557.367.005)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>1.555.241.381</b>	<b>1.578.112.327</b>

**30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	7.820.965.522	7.367.852.795
Các khoản điều chỉnh	(469.257.931)	(442.071.168)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(469.257.931)	(442.071.168)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.351.707.591	6.925.781.627
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.600.000	7.503.333
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>855</b>	<b>923</b>

**31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.283.925.887	12.731.146.345
Chi phí nhân công	11.301.507.301	7.314.883.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.841.683.572	7.550.480.106
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.743.950.226	59.486.247.191
Chi phí khác bằng tiền	954.504.295	1.278.322.308
<b></b>	<b>74.125.571.281</b>	<b>88.361.079.066</b>







**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.370.445.148	-	-	15.370.445.148
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.503.367.000	14.200.000	-	6.517.567.000
	<u>21.873.812.148</u>	<u>14.200.000</u>	<u>-</u>	<u>21.888.012.148</u>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.494.830.317	-	-	12.494.830.317
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.982.868.775	14.200.000	-	8.997.068.775
	<u>21.477.699.092</u>	<u>14.200.000</u>	<u>-</u>	<u>21.491.899.092</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>				
Vay và nợ	18.316.945.000	33.578.171.030	-	51.895.116.030
Phải trả người bán, phải trả khác	10.731.873.283	-	-	10.731.873.283
Chi phí phải trả	414.733.556	-	-	414.733.556
	<u>29.463.551.839</u>	<u>33.578.171.030</u>	<u>-</u>	<u>63.041.722.869</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	26.954.859.035	39.437.260.740	8.505.000.000	74.897.119.775
Phải trả người bán, phải trả khác	13.186.903.905	-	-	13.186.903.905
Chi phí phải trả	1.368.858.864	-	-	1.368.858.864
	<b>41.510.621.804</b>	<b>39.437.260.740</b>	<b>8.505.000.000</b>	<b>89.452.882.544</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển VND	Hoạt động kinh doanh dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	61.816.941.470	23.794.234.417	85.611.175.887
Chi phí bộ phận trực tiếp	46.941.401.235	23.001.196.225	69.942.597.460
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>14.875.540.235</b>	<b>793.038.192</b>	<b>15.668.578.427</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	174.475.241.432	5.875.746.196	180.350.987.628
Tài sản không phân bổ	-	-	23.179.753.251
<b>Tổng tài sản</b>	<b>174.475.241.432</b>	<b>5.875.746.196</b>	<b>203.530.740.879</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	64.341.915.334	4.082.577.774	68.424.493.108
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	4.400.427.889
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>64.341.915.334</b>	<b>4.082.577.774</b>	<b>72.824.920.997</b>

Theo khu vực địa lý

	Trong nước VND	Quốc tế VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.921.768.426	58.689.407.461	85.611.175.887
Tài sản bộ phận	30.092.647.345	173.438.093.534	203.530.740.879



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	VND 353.124.493	VND 433.561.940

**36 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

Trần Thị Thanh Nhạn  
Người lập

Trần Thị Kim Lan  
Kế toán trưởng



Lê Tất Hưng  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2016

